| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**THÀNH PHỐ CẦN THƠ** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Bản án số: 63/2020/HS-PT<br>Ngày: 5-6-2020 | |

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

***- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Trinh.

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Hoàng Quí.

Bà Huỳnh Thị Bích Vân.

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Đặng Thị Giang **-** thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ**.**

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:*** Ông Phạm Thành Lộc - Kiểm sát viên.

Trong ngày 5-6-2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ, xét xử phúc thẩm công khai, vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 58/2020/TLPT-HS ngày 24-4-2020, đối với bị cáo Nguyễn Văn C, do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 01/2020/HSST ngày 7 tháng 1 năm 2020 của Tòa án nhân dân quận Y.

- *Bị cáo có kháng cáo* :

**Nguyễn Văn C** sinh năm 1984, tại thành phố Cần Thơ. Nơi cư trú: Khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ. Nghề nghiệp: Không; trình độ học vấn: 1/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Trịnh Ngọc T và bà: Nguyễn Thị H; có vợ: Nguyễn Thị M và 2 con: Lớn sinh năm 2002 - nhỏ sinh năm 2007; tiền án, tiền sự: Không.

- *Người bào chữa cho bị cáo:*

Luật sư Phạm Hữu Hòa - Đoàn Luật sư thành phố Cần Thơ.

Người bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không có kháng cáo.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn N cư trú tại ấp A, xã B, huyện V, thành phố Cần Thơ. N thường neo đậu ghe bơm hút bùn, tại khu vực bến đò ngang Tân Lộc - Cần Thơ Bé, thuộc khu vực X, phường S, quận Y, thành phố Cần Thơ. Nguyễn Văn C là người sống tại khu vực này và có quen biết với N.

Khoảng 15 giờ, ngày 20-7-2019, C lén lút lên ghe rồi nổ máy, điều khiển đến ao nuôi cá, ở cùng khu vực X, do Trần Ngọc L (là chú ruột) đang trông coi.

Khoảng 7 giờ 30 phút, ngày 21-7-2019, N phát hiện mất ghe máy, nên đã đi tìm. N có gọi điện thoại cho C, nhờ tìm hỏi dùm. Khoảng 14 giờ, ngày 23-7-2019, C báo cho N biết rằng đã tìm được ghe máy, đồng thời yêu cầu trả công đi tìm là 4.000.000đ. N đồng ý và trình báo với Công an phường S. Khi C mang ghe máy về thì Công an phường S mời đến trụ sở làm việc. C nhìn nhận hành vi phạm tội.

Khi nhận lại ghe máy Nphát hiện mất 01 cuộn ống bơm hút bùn, bình chứa gas và bếp gas. C đã thương lượng và bồi thường cho N 3.000.000đ.

Theo kết quả định giá, ghe máy và số tài sản trên ghe trị giá 19.600.000đ. Cơ quan điều tra đã cho N nhận lại số tài sản nói trên.

Tại bản án số 01/2020/HS-ST ngày 7-1-2020, Tòa án nhân dân quận Y đã áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự; xử phạt Nguyễn Văn C 9 tháng tù.

Ngoài ra, còn có quyết định về án phí trong vụ án.

Sau khi tuyên án sơ thẩm, ngày 13-1-2020, bị cáo kháng cáo, xin cải tạo không giam giữ.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo giữ nguyên kháng cáo, không có cung cấp thêm chứng cứ về các tình tiết mới.

Luật sư, bào chữa cho bị cáo, cho rằng: Hoàn toàn không có căn cứ để áp dụng tình tiết tăng nặng - Cố tình thực hiện tội phạm đến cùng quy định tại điểm e khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội có rất nhiều tình tiết giảm nhẹ. Hoàn cảnh gia đình rất khó khăn. Nên đề nghị chấp nhận kháng cáo, cho bị cáo được cải tạo ngoài xã hội vẫn đảm bảo yêu cầu phòng ngừa tội phạm chung.

Kiểm sát viên nhận định: bản án sơ thẩm đã tuyên có căn cứ và đúng pháp luật. Mức hình phạt đã tuyên là tương xứng, đã có xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo khi lượng hình, nên đề nghị giữ nguyên.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Quá trình tiến hành tố tụng ở cấp sơ thẩm tuân thủ các quy định của Pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho những người tham gia tố tụng. Các chứng cứ tại hồ sơ đủ để kết luận về hành vi phạm tội của bị cáo, cũng như để giải quyết các vấn đề khác có liên quan.

[1] Bị cáo đã lén lút điều khiển ghe máy của bị hại đi nơi khác. Khi bị hại tìm kiếm, bị cáo cũng giả vờ như không biết. Khi bị hại đã sinh nghi và nhờ đi tìm giúp, đã giở trò "đã tìm thấy" và yêu cầu chi tiền công. Bị cáo đã tước đi quyền chiếm hữu và sử dụng tài sản của bị hại. Tài sản của bị hại là động sản, có giá trị tương đương 19.600.000đ. Xét xử bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Khi lượng hình Tòa án sơ thẩm đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo.

Sau 2 lần ghi lời khai đầu tiên, bị cáo vẫn chưa khai nhận tội (BL. 53-56, 98). Như đã phân tích ở phần trên, bị cáo chưa thành khẩn ngay từ khi bị phát hiện.

Tuy nhiên áp dụng tình tiết cố tình thực hiện tội phạm đến cùng là chưa chính xác. Cần điều chỉnh lại cho phù hợp.

Bị hại là bạn của bị cáo. Tài sản trộm cắp là phương tiện chính để kiếm sống của gia đình bị hại. Sau khi bị hại nghi ngờ và có ý định trình báo với Công an. Bị cáo đã can ngăn với lý do - phương tiện giao thông không có đăng ký, không được cấp biển số, sẽ bị phạt (BL. 65). Là hành động xảo quyệt nhằm che giấu tội phạm - là tình tiết tăng nặng được quy định tại điểm p khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Bị hại đã tố cáo với Công an phường S lúc **7 giờ 30** phút ngày 23-7-2019. Lúc **9 giờ**, bị cáo còn báo cho bị hại rằng: đã tìm thấy ghe. Đến 17 giờ cùng ngày, bị cáo mới mang ghe máy về (BL. 1, 2). Do không có kháng cáo, kháng nghị theo hướng tăng nặng nên không thể áp dụng tình tiết này ở cấp phúc thẩm.

Do vậy, không thể áp dụng điểm i khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự khi lượng hình. Nên điều chỉnh cho phù hợp.

Mức hình phạt đã tuyên là cần thiết nhằm đảm bảo tác dụng giáo dục, răn đe và phòng ngừa chung trong xã hội, nên giữ nguyên, như kết luận của Kiểm sát viên.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo (có điều chỉnh điều luật áp dụng).

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội **Trộm cắp tài sản.**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt Nguyễn Văn C 9 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu chấp hành án.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực thi hành.

Bị cáo phải nộp 200.000đ án phí phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***
- VKSND CC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND Tp. Cần Thơ;
- Trại tạm giam;
- Cơ quan tố tụng quận Y;
- Bị cáo;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM**
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**(Đã ký)**

**Nguyễn Văn Trinh**